

PHỤ LỤC 01: MẪU BIỂU PHỤC VỤ BÁO GIÁ
(Kèm theo công văn số: 10/CV-TTCN&DVSTP ngày 18/ 8 /2026
của Trung tâm công nghệ và dịch vụ số Tư pháp)

I. Danh mục các hạng mục yêu cầu chào giá

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Đơn vị
I	Chi phí trang thiết bị		
1	Chi phí bản quyền phần mềm		
2	Dịch vụ liên quan		
2.1	Dịch vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm		

II. Mẫu biểu báo giá

II.1. Mẫu biểu báo giá chi phí trang thiết bị

II.1.1. Bảng tổng hợp chi phí trang thiết bị

Cơ quan, đơn vị căn cứ vào thông tin của dự án tại Phụ lục 02, báo giá chi phí mua sắm phần mềm thương mại theo hướng dẫn tại Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN, mẫu biểu cụ thể như sau:

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị	Diễn giải
(1)	Chi phí bản quyền phần mềm		
1.1	Chi phí bản quyền phần mềm		Theo khối lượng và đơn giá cụ thể của phần mềm, bao gồm cả dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất). Hướng dẫn chi tiết tại mục II.1.2.
1.2	Chi phí cài đặt, hiệu chỉnh phần mềm		Theo số công tháng (man-month)/công ngày (man-day) thực hiện lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh và đơn giá cụ thể. Hướng dẫn chi tiết tại mục II.1.3.
(2)	Chi phí khác		
2.1	Chi phí đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm		Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị	Diễn giải
			không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc . Hướng dẫn chi tiết tại mục Xác định chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng thiết bị phần cứng phần mềm thương mại II.1.5
(3)	Chi phí chung		
3.1	Chi phí chung cho công tác cung cấp bản quyền phần mềm		Chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức trong công tác cung cấp bản quyền phần mềm
3.2	Chi phí chung của đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm		Chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức trong công tác đào tạo , hướng dẫn sử dụng phần mềm
	...		
(4)	Thu nhập chịu thuế tính trước		
4.1	Thu nhập chịu thuế tính trước của công tác cung cấp bản quyền phần mềm		Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất.
4.2	Thu nhập chịu thuế tính trước của công tác đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm		
(5)	Thuế và phí liên quan		Diễn giải chi tiết từng chi phí.
5.1	Thuế và phí liên quan của công tác cung cấp bản quyền phần mềm		
5.2	Thuế và phí liên quan của công tác đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm		
5.3	...		
	Tổng cộng		$(1)+(2)+(3)+(4)+(5)$

II.1.2. Bảng chào giá chi phí phần mềm thương mại

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục trang thiết bị	Model	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	KL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền gồm thuế
I	Bản quyền dịch vụ Hội nghị truyền hình – 05 năm									
1	Bản quyền phần mềm hội nghị truyền hình				User	40				
	TỔNG CỘNG									

Ghi chú:

- Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), và các sản phẩm, thiết bị khác được tính theo khối lượng, số lượng, chủng loại thiết bị và giá thiết bị tương ứng. Khối lượng, số lượng, chủng loại thiết bị được xác định tại thiết kế chi tiết (tại Phụ lục 02 Thông tin dự án đính kèm).

- Yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp cung cấp báo giá kèm theo thuyết minh các thành phần chi phí chủ yếu hình thành giá hàng hóa, thiết bị bao gồm chi phí nhập khẩu, vận chuyển, bảo hiểm, thuế, chi phí phân phối, chi phí quản lý và các chi phí liên quan khác (nếu có).

II.1.3. Bảng chào giá chi phí cài đặt, cấu hình phần mềm thương mại

STT	Nội dung công việc/Hàng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Số công/đơn vị tính	Tổng số công	Đơn giá (đồng/công)	Thành tiền (đồng)
I	CHI PHÍ NHÂN CÔNG LẮP ĐẶT, CÀI ĐẶT						
1.1	Cài đặt phần mềm thương mại	Phần mềm	1				
	...						
	Tổng cộng:						

II.1.4. Bảng lương nhân công cài đặt, cấu hình phần mềm thương mại (mang tính chất tham khảo)

TT	Vai trò/Nhóm vai trò	Yêu cầu kinh nghiệm	Kỹ sư bậc	Lương bình quân	Tỷ lệ bình quân
1	Quản trị nhóm triển khai phần mềm thương mại				
2	Cài đặt phần mềm thương mại				
LƯƠNG TRUNG BÌNH					

Đơn giá nhân công cho từng vị trí chuyên gia cần được đề xuất phù hợp với mặt bằng giá thị trường hoặc tham chiếu các quy định về đơn giá nhân công hiện hành.

II.1.5. Xác định chi phí đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm thương mại

- Trường hợp báo giá trọn gói:

STT	Danh mục	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền gồm thuế	Ghi chú
1	Chi phí đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm thương mại							Yêu cầu chi tiết khối lượng đào tạo tại Phụ lục 02 đính kèm
2	Chi phí chung							Chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức
3	Thu nhập chịu thuế tính trước							Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất
4	Thuế và phí liên quan							Diễn giải chi tiết từng chi phí
5	Tổng cộng							

- Trường hợp báo giá theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể:

STT	Nội dung công việc/Hàng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Số công	Tổng số công	Đơn giá (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
I	CHI PHÍ NHÂN CÔNG (G)							Σ (1.1 + ... + 1.4)
1.1	Công việc đào tạo 1	Công	n ₁	m ₁	n ₁ × m ₁			
1.2	Công việc đào tạo 2	Công	n ₂	m ₂	n ₂ × m ₂			
1.3	Công việc đào tạo 3	Công	n ₃	m ₃	n ₃ × m ₃			
1.4	Công việc đào tạo ...	Công	-	-	-			
2	Chi phí chung							Chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức
3	Thu nhập chịu thuế tính trước							Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất

STT	Nội dung công việc/Hàng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Số công	Tổng số công	Đơn giá (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
4	Thuế và phí liên quan							Diễn giải chi tiết từng chi phí
5	Tổng cộng							

- Đơn vị báo giá có trách nhiệm tự xác định và đề xuất bảng bóc tách chi tiết khối lượng công việc, bảo đảm tính lô-gic giữa quy trình kỹ thuật và chi phí, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp lý và chính xác của các thông tin này.